

Bài 46

VẤN ĐỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

- Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của vùng.
- Phân tích được các thế mạnh chủ yếu cũng như các hạn chế của vùng Đồng bằng sông Hồng.
- Hiểu được tính cấp thiết phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và thực trạng về vấn đề này của vùng.
- Biết được một số định hướng về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành của vùng và cơ sở của việc định hướng đó.

2. Về kĩ năng

- Xác định trên bản đồ một số tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, thuỷ hải sản...), mạng lưới giao thông, đô thị ở Đồng bằng sông Hồng.
- Phân tích các biểu đồ liên quan đến nội dung của bài 46 và rút ra nhận xét cần thiết.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Các bản đồ giáo khoa treo tường (Địa lí tự nhiên Việt Nam ; Việt Nam – nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản ; Công nghiệp Việt Nam).
- Atlas Địa lí Việt Nam.
- Biểu đồ, bảng biểu số liệu liên quan đến Đồng bằng sông Hồng.
- Tranh, ảnh, băng hình về tự nhiên, kinh tế các vùng.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Phạm vi, ranh giới của vùng Đồng bằng sông Hồng sẽ khác nhau nếu nhìn nhận dưới góc độ chuyên môn khác nhau (tự nhiên, kinh tế – hành chính...).

Đồng bằng sông Hồng trong bài 46 được lấy theo ranh giới hành chính, bao gồm 10 tỉnh, thành phố (tương đương cấp tỉnh). Theo Niên giám thống kê của Việt Nam năm 2006, vùng có diện tích tự nhiên 14862,5 km² với số dân là 18207,9 nghìn người (năm 2006). Giữa các tỉnh, thành phố trong vùng có sự chênh lệch khá lớn về quy mô diện tích và số dân. Về diện tích, lớn nhất là Hà Nội và nhỏ nhất là Bắc Ninh. Về số dân (năm 2006), đông nhất là Hà Nội và ít nhất là Hà Nam.

b) Đồng bằng sông Hồng có hàng loạt thế mạnh cả về tự nhiên và kinh tế – xã hội.

– Vị trí địa lí của Đồng bằng sông Hồng có nhiều thuận lợi cho việc phát triển kinh tế – xã hội. Về mặt tự nhiên, nó nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa TD và MNBB với vùng Biển Đông rộng lớn. Về mặt kinh tế, Đồng bằng sông Hồng liên kề với vùng có tiềm năng khoáng sản và thuỷ điện lớn nhất nước ta. Nằm ở trung tâm Bắc Bộ, gần như trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, vùng này giống như chiếc cầu nối giữa Đông Bắc, Tây Bắc với vùng Bắc Trung Bộ và Biển Đông.

Vì thế, việc giao lưu giữa Đồng bằng sông Hồng với các vùng khác trong cả nước, với các nước trong khu vực và trên thế giới trở nên dễ dàng.

– Về tài nguyên thiên nhiên, Đồng bằng sông Hồng cũng có những thế mạnh riêng, tiêu biểu cho vùng đồng bằng châu thổ.

+ Đất là tài nguyên quan trọng hàng đầu, có quan hệ chặt chẽ với quá trình xâm thực, bào mòn ở vùng núi và quá trình bồi tụ ở vùng duyên hải. Do xâm thực trên lưu vực sông khá mạnh nên sông Hồng có lượng cát bùn lớn nhất trong số các sông ở nước ta. Hằng năm, đồng bằng lấn ra biển hàng trăm hécta đất mới. Đất của đồng bằng nhìn chung màu mỡ, thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp.

Đây là một trong những lí do quan trọng mà tỉ lệ diện tích đất đã được sử dụng của vùng rất cao (gần 82,5% diện tích tự nhiên), cao hơn nhiều so với mức bình quân của cả nước (50 – 56%) và của các vùng khác như Đồng bằng sông Cửu Long (hơn 78,7%) hay Đông Nam Bộ (gần 75,7%).

+ Với hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình, tài nguyên nước ở Đồng bằng sông Hồng rất phong phú. Ngoài nước trên mặt còn có nguồn nước dưới đất, nước nóng và nước khoáng.

Với đường bờ biển dài hơn 400 km từ Hải Phòng tới Ninh Bình, ngoài nguồn lợi về thủy sản (đánh bắt và nuôi trồng) vùng này còn có điều kiện phát triển giao thông và du lịch biển.

+ Đồng bằng sông Hồng có một số loại khoáng sản. Có giá trị nhất là đá vôi, sét cao lanh, tiềm năng về khí đốt và than nâu.

– Về mặt kinh tế – xã hội, các thế mạnh chủ yếu là dân cư và nguồn lao động, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất – kĩ thuật cho các ngành kinh tế...

Mạng lưới đô thị, ở mức độ nhất định, thể hiện trình độ phát triển kinh tế của vùng. Ở Đồng bằng sông Hồng, mạng lưới đô thị khá phát triển và dày đặc. Đó cũng đồng thời là các trung tâm kinh tế (chủ yếu là công nghiệp) của vùng, tuy với quy mô khác nhau.

c) Đồng bằng sông Hồng cũng có những hạn chế nhất định. Số dân đông, hơn 18,2 triệu người (năm 2006), mật độ cao đã dẫn đến những khó khăn trong việc phát triển kinh tế – xã hội. Ngoài ra còn một số khó khăn khác về tự nhiên và chính từ việc phát triển kinh tế.

d) Về cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng, khu vực I (nông, lâm nghiệp và thủy sản) vẫn còn tương đối lớn, trong khi đó khu vực II (công nghiệp và xây dựng) lại có tỉ trọng thấp nhất.

GV sử dụng biểu đồ (hình 46.2) trong bài để làm rõ về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành. Trong xu thế chung là giảm tỉ trọng của khu vực I và tăng tỉ trọng của khu vực II và III, việc chuyển dịch còn chậm, nhất là khu vực II.

e) Các định hướng chính về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành tập trung theo 2 hướng.

- Chuyển dịch giữa các khu vực (I, II, III) trong nền kinh tế.
- Chuyển dịch trong nội bộ từng khu vực, từng ngành.

Vậy cơ sở cho việc chuyển dịch cơ cấu đó là gì ?

Trước hết là phải khai thác hết các thế mạnh vốn có của vùng về vị trí địa lí, về tự nhiên, kinh tế – xã hội cũng như các nguồn lực từ bên ngoài. Một trong những thế mạnh quan trọng là đội ngũ trí thức cùng hệ thống các trường đại học, viện nghiên cứu và nguồn lao động có trình độ của vùng. Việc mở rộng ranh giới của Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc cũng là một thuận lợi, góp phần đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng.

Sau đó, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực đã và đang là một xu thế tất yếu của cả nước nói chung và của cả vùng nói riêng.

2. Về phương pháp

Trong bài này, GV nên chú trọng tới các phương pháp gợi mở để giúp HS tái hiện những kiến thức đã học ở lớp 9 (vùng Đồng bằng sông Hồng). Trên cơ sở kiến thức đã có, HS sẽ có đủ khả năng để tìm ra những kiến thức chính của bài 46.

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. GV đề dẫn về Đồng bằng sông Hồng, một vùng đã được học từ lớp 9. Vấn đề được lựa chọn ở đây là việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và những cơ sở khoa học của nó.

2. Đối với các thế mạnh, từ kiến thức đã học, GV yêu cầu HS lập sơ đồ gắn với vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện kinh tế – xã hội. Dựa vào sơ đồ, GV giúp HS lần lượt tìm ra các thế mạnh để phát triển kinh tế – xã hội.

3. Tương tự như vậy, GV yêu cầu HS phát hiện ra những hạn chế. Cần đặc biệt lưu ý đến số dân và mật hạn chế của nó (ví dụ, Đồng bằng sông Hồng là vựa lúa lớn thứ hai của nước ta, song bình quân lương thực theo đầu người lại dưới mức trung bình của cả nước).

4. Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, GV giúp HS khai thác hình 46.2 và trả lời câu hỏi trong bài. Để thấy rõ định hướng, GV yêu cầu HS liên hệ với kiến thức đã có và vận dụng cụ thể vào bài học này.

5. Trong quá trình giảng dạy, GV cần sử dụng tối đa các bản đồ giáo khoa có liên quan, Atlas Địa lí Việt Nam và các biểu đồ đã có trong bài.

V – THÔNG TIN BỔ SUNG

MẠNG LƯỚI ĐÔ THỊ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

(Tính đến năm 2009)

Các tỉnh thành	Số lượng			Tên các thành phố, thị xã	
	Thành phố	Thị xã	Thị trấn	Thành phố	Thị xã
1. Hà Nội	1*	1	22	Hà Nội	Sơn Tây
2. Hải Phòng	1*		10	Hải Phòng	
3. Vĩnh Phúc	1	1	11	Vĩnh Yên	Phúc Yên
4. Bắc Ninh	1	1	7	Bắc Ninh	Từ Sơn
5. Hải Dương	1		16	Hải Dương	
6. Hưng Yên	1	0	9	Hưng Yên	
7. Hà Nam	1	0	6	Phủ Lý	
8. Nam Định	1		14	Nam Định	
9. Thái Bình	1		9	Thái Bình	
10. Ninh Bình	1	1	7	Ninh Bình	Tam Điệp

* Thành phố tương đương cấp tỉnh trực thuộc Trung ương